

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 97/2024/DS-ST
Ngày: 27-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trần Thị Kim Đồng.

2/ Bà Nguyễn Thị Bé Ngoan.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Trúc Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S.

Địa chỉ trụ sở: đường N, phường V, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc. Là đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Châu Minh S – Chức vụ: Trưởng Phòng Giao dịch Trà Ôn – Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S – Chi nhánh Vĩnh Long. Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 3525/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023). “có mặt”

2. **Bị đơn:**

1/ Ông Phan Văn L, sinh năm 1964. “vắng mặt”

2/ Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1964. “vắng mặt”

3/ Anh **Phan Văn T**, sinh năm 1988. “vắng mặt”

4/ Chị **Phan Thị Thanh T**, sinh năm 2000. “vắng mặt”

Cùng địa chỉ cư trú: ấp N, xã N1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông **Phan Văn C**, sinh năm 1972. “vắng mặt”

2/ Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1975. “vắng mặt”

Cùng địa chỉ cư trú: ấp N, xã N1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 26/02/2024, đơn khởi kiện (bổ sung), tờ tự khai (bổ sung) ngày 26/02/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S trình bày: Giữa Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S và ông Phan Văn L, bà Nguyễn Thị K có ký kết các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

1/ Hợp đồng cho vay số 202226580823 ký ngày 21/04/2022:

- Tổng số tiền vay 1.000.000.000đ (*Một tỷ đồng*) trong đó:

+ Giấy nhận nợ số LD2311400266 ký ngày 24/04/2023: Số tiền vay: 950.000.000đ (*Chín trăm năm mươi triệu đồng*).

+ Giấy nhận nợ số LD2311500108 ký ngày 25/04/2023: Số tiền vay: 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

- Mục đích vay: Bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp tổng hợp.

- Thời hạn giấy nhận nợ: 12 tháng.

- Phương thức trả nợ: Lãi trả định kỳ 03 tháng; Gốc trả cuối kỳ theo thời hạn từng giấy nhận nợ.

- Lãi suất: 03 tháng đầu tiên: 13,5%/năm, các lần giải ngân sau (nếu có) lãi suất do Sacombank xác định tại thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ (theo mẫu của Sacombank), từ tháng thứ 04 trở đi kể từ ngày giải ngân, lãi suất được điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở tương ứng theo kỳ hạn vay được Sacombank niêm yết tại www.sacombank.com.vn thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,5%/năm, định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần với mức lãi suất do Sacombank xác định tại thời điểm điều chỉnh và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay. Lãi suất điều chỉnh trong từng thời kỳ được hiểu là không bắt buộc.

Tài sản đảm bảo khoản vay là:

Tài sản thứ nhất: 01 (Một) thửa đất số 241, tờ bản đồ số 13, diện tích: 2.042,7m², loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BI 495032, số vào sổ cấp GCN: CH03865 do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn cấp ngày 22/6/2012 cho ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K đứng tên sử dụng.

Tài sản thứ hai: 01 (Một) thửa đất số 331, tờ bản đồ số 13, diện tích: 2.582,1m², loại đất chuyên trồng lúa nước, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CK 199771, số vào sổ cấp GCN: CS07174 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 10/10/2017 cho ông Phan Văn L đứng tên sử dụng.

Tài sản thứ ba: 01 (Một) thửa đất số 201, tờ bản đồ số 13, diện tích: 2.025,0m², loại đất chuyên trồng lúa nước, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BI 495030, số vào sổ cấp GCN: CH03863 do UBND huyện Trà Ôn cấp ngày 22/6/2012 cho Hộ ông Phan Lượm và bà Nguyễn Thị K đứng tên sử dụng.

Tài sản thứ tư: 03 (Ba) thửa đất số 383; 387; 388 liền kề, tờ bản đồ số 3, tổng diện tích: 8.180m², loại đất Lúa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành V 506236, vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất số: 47938QSDĐ/... do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn cấp ngày 02/01/2003 cho Phan Văn L đứng tên sử dụng.

Cả 04 tài sản trên cùng tọa lạc tại: ấp Nhơn Ngãi, xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Trong quá trình vay, từ ngày giải ngân Giấy nhận nợ đến nay ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi tổng cộng là: 68.111.257đ lãi trong hạn. Qua nhiều lần xác minh và gửi thông báo thu hồi nợ nhưng ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K không hợp tác với Ngân hàng để thanh toán gốc lãi vay đúng hạn. Do ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K đã vi phạm Điều 5 trong Hợp đồng cho vay số 202226580823 ký ngày 21/04/2022. Nên đến ngày 26/01/2024 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn bằng 150% lãi suất ghi trên Hợp đồng cho vay và tiến hành các biện pháp khởi kiện, xử lý tài sản thu hồi nợ vay theo quy định.

Tính đến ngày 26/02/2024 ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K còn nợ Ngân hàng tổng số tiền vốn, lãi: 1,043,946,385đ.

2/ Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 2707884 ký ngày 11/05/2023: Căn cứ thu nhập của bà Nguyễn Thị K, Ngân hàng đã đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng với hạn mức: 120.000.000đ, số thẻ: 436438-4412, số hợp đồng: 2707884, lãi suất tại thời điểm mở thẻ là 23,2%/năm (lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ của Ngân hàng). Khi phát sinh quá hạn, áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất ghi trên Hợp đồng cho vay và tiến hành các biện pháp khởi kiện

để thu hồi nợ vay theo quy định.

Quá trình giao dịch được thể hiện chi tiết trên bảng sao kê quá hạn thẻ (đã giao dịch: 100.000.000đ và đã thanh toán: 17.820.000 đồng), thứ tự thanh toán thẻ tín dụng căn cứ theo điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà Nguyễn Thị K không có thiện chí trả nợ. Do bà Nguyễn Thị K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngày 26/02/2024 Ngân hàng đã tạm khóa quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 26/02/2024, bà Nguyễn Thị K còn nợ số tiền thẻ tín dụng tổng số tiền vốn, lãi quá hạn là 102,357,862đ.

Tổng dư nợ Hợp đồng cho vay và Thẻ tín dụng: Tổng số tiền vốn, lãi là 1,146,304,247đ.

Khoản vay của ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K đã quá hạn 32 ngày, mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần liên hệ làm việc với ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K cùng tìm hướng giải quyết khoản vay nhưng ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K cố tình không hợp tác. Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để khách hàng trả nợ, tuy nhiên đến nay khách hàng vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S yêu cầu Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

- Yêu cầu buộc ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K phải trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S tính đến ngày 26/02/2024 tổng số tiền phải trả cả 02 hợp đồng. Hợp đồng cho vay số 202226580823 ký ngày 21/04/2022 và Thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 2707884 ký ngày 11/05/2023 là: 1.146.304.247đ (*Một tỷ một trăm bốn mươi sáu triệu ba trăm lẻ bốn nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng*), trong đó vốn gốc: 1.102.357.862đ, lãi trong hạn: 43.648.589đ, lãi phạt quá hạn: 296.796đ và lãi phát sinh được tiếp tục tính từ ngày 27/02/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ vay theo lãi suất quy định.

- Trong trường hợp ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K không thanh toán hết cả hai khoản nợ vay đã nêu trên thì cho xử lý toàn bộ tài sản đảm bảo là:

Tài sản thứ nhất: 01 (*Một*) thửa đất số 241, tờ bản đồ số 13, diện tích: 2.042,7m², loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BI 495032, số vào sổ cấp GCN: CH03865 do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn cấp ngày 22/6/2012 cho ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K đứng tên sử dụng.

Tài sản thứ hai: 01 (Một) thửa đất số 331, tờ bản đồ số 13, diện tích: 2.582,1m², loại đất chuyên trồng lúa nước, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CK 199771, số vào sổ cấp GCN: CS07174 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 10/10/2017 cho ông Phan Văn L đứng tên sử dụng.

Tài sản thứ ba: 01 (Một) thửa đất số 201, tờ bản đồ số 13, diện tích: 2.025,0m², loại đất chuyên trồng lúa nước, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BI 495030, số vào sổ cấp GCN: CH03863 do UBND huyện Trà Ôn cấp ngày 22/6/2012 cho Hộ ông Phan Lượm và bà Nguyễn Thị K đứng tên sử dụng.

Tài sản thứ tư: 03 (Ba) thửa đất số 383; 387; 388 liền kề, tờ bản đồ số 3, tổng diện tích: 8.180m², loại đất Lúa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành V 506236, vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất số: 47938QSĐĐ/... do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn cấp ngày 02/01/2003 cho Phan Văn L đứng tên sử dụng.

Cả 04 tài sản trên cùng tọa lạc tại: ấp Nhơn Ngãi, xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Buộc ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K là bên vi phạm hợp đồng phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí.

Tại văn bản (Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ) ngày 16/8/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn C và bà Nguyễn Thị H trình bày: Ông L, bà K đã bán phần cam lá cho ông bà theo hợp đồng mua bán cam lá ngày 22/11/2023 diện tích 9.000m², thời hạn là 05 năm, giá 450.000.000đ. Ông bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Trường hợp Ngân hàng yêu cầu kê biên, phát mãi phần đất này để thu hồi nợ cho Ngân hàng thì ông bà đồng ý giao đất và tài sản gắn liền trên đất để Ngân hàng yêu cầu thi hành án kê biên phát mãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông L, bà K, anh T, chị T tham gia tố tụng để giải quyết vụ án nhưng ông L, bà K, anh T, chị T vắng mặt không lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện cho Ngân hàng yêu cầu cụ thể như sau:

1/ Yêu cầu ông Phan Văn L, bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ tính đến ngày 27/9/2024 tổng cộng là 1.167.651.119đ (Một tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi một ngàn một trăm mười chín đồng). Trong đó gồm: vốn gốc 1.000.000.000đ, lãi 167.651.119đ. Buộc ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số: 202226580823 ngày 21/4/2022 kể từ ngày 28/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S.

Trường hợp ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì buộc anh ông L, bà K, anh T, chị T có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp theo Hợp đồng Hợp đồng thế chấp tài sản số: 20222626580823 (A) và 20222626580823 (B) cùng ngày 22/4/2022 để Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

2/ Yêu cầu bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S số tiền vay còn nợ tính đến ngày 27/9/2024 tổng cộng là 123.917.321đ (*Một trăm hai mươi ba triệu chín trăm mười bảy ngàn ba trăm hai mươi một đồng*). Trong đó gồm: vốn gốc 104.957.578đ, lãi 18.959.743đ. Buộc bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số: 2707884 ngày 11/5/2023 kể từ ngày 28/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S.

Các chứng cứ mà các bên giao nộp đã được tiếp cận, công khai chứng cứ. Các bên không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Đối với người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Riêng đối với bị đơn không có bản khai trình bày ý kiến, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không tham gia theo giấy triệu tập của Toà án nhiều lần là không tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến trình bày, có đơn xin vắng mặt tham gia tố tụng, cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 317, 318, 319, 320, 322, 323, 324, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S.

* Buộc bị đơn ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S số tiền vay còn nợ tính đến ngày 27/9/2024 tổng cộng là 1.167.651.119đ (*Một tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm năm*

mười một ngàn một trăm mười chín đồng). Trong đó gồm: vốn gốc 1.000.000.000đ, lãi 167.651.119đ. Buộc ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số: 202226580823 ngày 21/4/2022, Giấy nhận nợ số: LD2311400266 ngày 24/4/2023 và Giấy nhận nợ số: LD2311500108 ngày 25/4/2023 kể từ ngày 28/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S.

Trường hợp ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì buộc ông Phan Văn L, bà Nguyễn Thị K, anh Phan Văn T, chị Phan Thị Thanh T, ông Phan Văn C và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 20222626580823 (A) và 20222626580823 (B) cùng ngày 22/4/2022 để Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng, gồm:

1/ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 201, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.025m², địa chỉ thửa đất: ấp Nhơn Ngãi, xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: BI 495030, số vào sổ cấp GCN: CH03863 do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cấp cho hộ ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K ngày 22/6/2012.

2/ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 383, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.200m²; thửa đất số 387, tờ bản đồ số 3, diện tích 3.610m²; thửa đất số 388, tờ bản đồ số 3, diện tích 3.670m²; địa chỉ thửa đất: ấp Nhơn Ngãi (ấp Tường Ngãi cũ), xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: V 506236, số vào sổ cấp GCN: 47938 do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cấp cho ông Phan Văn L ngày 02/01/2003.

3/ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 241, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.042,7m², địa chỉ thửa đất: ấp Nhơn Ngãi, xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: BI 495032, số vào sổ cấp GCN: CH03865 do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cấp cho ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K ngày 22/6/2012.

4/ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 331, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.582,1m², địa chỉ thửa đất: ấp Nhơn Ngãi, xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CK 199771, số vào sổ cấp GCN: CS07174 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp cho ông Phan Văn L ngày 10/10/2017.

* Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S số tiền vay còn nợ tính đến ngày 27/9/2024 tổng cộng là

123.917.321đ (*Một trăm hai mươi ba triệu chín trăm mười bảy ngàn ba trăm hai mươi một đồng*). Trong đó gồm: vốn gốc 104.957.578đ, lãi 18.959.743đ. Buộc bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số: 2707884 ngày 11/5/2023 kể từ ngày 28/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S.

+ Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Tổng cộng 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*). Nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S đã nộp tạm ứng trước nên buộc bị đơn ông L, bà K có nghĩa vụ nộp để hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S số tiền 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*).

+ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ nộp 47.029.533đ (*Bốn mươi bảy triệu không trăm hai mươi chín ngàn năm trăm ba mươi ba đồng*).

Buộc bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ nộp 6.195.866đ (*Sáu triệu một trăm chín mươi lăm ngàn tám trăm sáu mươi sáu đồng*).

Hoàn trả Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.194.000đ (*Hai mươi ba triệu một trăm chín mươi bốn ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0011177 ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phan Văn L, bà Nguyễn Thị K, anh Phan Văn T và chị Phan Thị Thanh T có địa chỉ cư trú ấp N, xã N1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long trả lại số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay số: 202226580823 ngày 21/4/2022 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số: 2707884 ngày 11/5/2023 cho Ngân hàng. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[1.2] Bị đơn ông Phan Văn L, bà Nguyễn Thị K, anh Phan Văn T, chị Phan Thị Thanh T được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do mà không có người đại diện

tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[1.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn C, bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 16/8/2024. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông C, bà H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về Hợp đồng cấp thẻ tín dụng chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử xét chấp nhận đối với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2.2] Giữa Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S và ông Phan Văn L, bà Nguyễn Thị K có ký kết các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Vào ngày 21/4/2022 giữa Ngân hàng có ký với ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K Hợp đồng cho vay số: 202226580823 ngày 21/4/2022, với nội dung cụ thể: Tổng số tiền vay: 1.000.000.000đ, trong đó: Giấy nhận nợ số LD2311400266 ký ngày 24/4/2023, số tiền vay 950.000.000đ; Giấy nhận nợ số LD2311500108 ký ngày 25/4/2023, số tiền vay 50.000.000đ; Lãi suất: 03 tháng đầu tiên: 13,5%/năm, lãi suất điều chỉnh trong từng thời kỳ; Thời hạn giấy nhận nợ: 12 tháng; Mục đích vay: Bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp tổng hợp; Biện pháp bảo đảm: Cho vay có tài sản bảo đảm; Phương thức trả nợ: Lãi trả định kỳ 03 tháng, Gốc trả cuối kỳ theo thời hạn từng giấy nhận nợ.

Trong quá trình vay, từ ngày giải ngân Giấy nhận nợ đến nay ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi tổng cộng là: 68.111.257đ lãi trong hạn. Qua nhiều lần xác minh và gửi thông báo thu hồi nợ nhưng ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K không hợp tác với Ngân hàng để thanh toán gốc lãi vay đúng hạn. Do ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K đã vi phạm Điều 5 trong Hợp đồng cho vay số 202226580823 ký ngày 21/4/2022. Nên đến ngày 26/01/2024 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn bằng 150% lãi suất ghi trên Hợp đồng cho vay và tiến hành các biện pháp khởi kiện, xử lý tài sản thu hồi nợ vay theo quy định. Tính đến ngày 26/02/2024 ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K còn nợ Ngân hàng như sau: Tổng cộng vốn, lãi là 1.043.946.385đ (Gồm: Dư nợ vay 1.000.000.000đ, lãi 43.946.385đ).

- Vào ngày 11/05/2023, Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S có ký với bà Nguyễn Thị K Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà Nguyễn Thị K, Ngân hàng đã đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng với hạn mức: 120.000.000đ, số thẻ: 436438-4412, số hợp đồng:

2707884, lãi suất tại thời điểm mở thẻ là 23,2%/năm (lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ của Ngân hàng). Khi phát sinh quá hạn, áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất ghi trên Hợp đồng cho vay.

Quá trình giao dịch được thể hiện chi tiết trên bảng sao kê quá hạn thẻ (đã giao dịch: 100.000.000đ và đã thanh toán: 17.820.000đ), thứ tự thanh toán thẻ tín dụng căn cứ theo điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà Nguyễn Thị K không có thiện chí trả nợ. Do bà Nguyễn Thị K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 26/02/2024 Ngân hàng đã tạm khóa quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 26/02/2024, bà Nguyễn Thị K còn nợ số tiền thẻ tín dụng như sau: Tổng cộng vốn, lãi là 102.357.862đ.

Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần liên hệ với ông L, bà K để tìm hướng giải quyết nhưng ông L, bà K cố tình không hợp tác. Ông L, bà K cũng không có ý kiến phản đối những tình tiết, tài liệu do nguyên đơn cung cấp. Nên xem hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S và ông L, bà K là sự việc có thật, không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông L, bà K có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay số: 202226580823 ngày 21/4/2022 tính đến ngày 27/9/2024 tổng cộng là 1.167.651.119đ (*Một tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi một ngàn một trăm mười chín đồng*). Trong đó gồm: vốn gốc 1.000.000.000đ, lãi 167.651.119đ. Yêu cầu bà K có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số: 2707884 ngày 11/5/2023 tính đến ngày 27/9/2024 tổng cộng là 123.917.321đ (*Một trăm hai mươi ba triệu chín trăm mười bảy ngàn ba trăm hai mươi một đồng*). Trong đó gồm: vốn gốc 104.957.578đ, lãi 18.959.743đ. Đồng thời yêu cầu ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số: 202226580823 ngày 21/4/2022 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số: 2707884 ngày 11/5/2023 kể từ ngày 28/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, giữa Ngân hàng và ông L, bà K có ký kết hợp đồng cụ thể, quy định rõ số tiền vay, mục đích vay, thời hạn vay, lãi suất, thời điểm trả hết nợ và phương thức trả nợ nhưng do ông L, bà K vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông L và bà K có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay số: 202226580823 ngày 21/4/2022 tính đến ngày tính đến 27/9/2024 tổng cộng là 1.167.651.119đ (*Một tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi một ngàn một trăm mười chín đồng*). Trong đó gồm: vốn gốc 1.000.000.000đ, lãi 167.651.119đ. Buộc bà K có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số: 2707884 ngày 11/5/2023 tính đến ngày

27/9/2024 tổng cộng là 123.917.321đ (*Một trăm hai mươi ba triệu chín trăm mười bảy ngàn ba trăm hai mươi một đồng*). Trong đó gồm: vốn gốc 104.957.578đ, lãi 18.959.743đ. Đồng thời buộc ông L, bà K có nghĩa vụ trả lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số: 202226580823 ngày 21/4/2022, Giấy nhận nợ số: LD2311400266 ngày 24/4/2023, Giấy nhận nợ số: LD2311500108 ngày 25/4/2023 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số: 2707884 ngày 11/5/2023 kể từ ngày 28/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng là phù hợp theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

[2.4] Xét yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu đối với trường hợp ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì buộc ông Phan Văn L, bà Nguyễn Thị K, anh Phan Văn T, chị Phan Thị Thanh T có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 20222626580823 (A) và 20222626580823 (B) cùng ngày 22/4/2022 để Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Ông Phan Văn C và bà Nguyễn Thị H có ký kết với ông L, bà K hợp đồng mua bán cam lá ngày 22/11/2023 diện tích 9.000m², thời hạn là 05 năm, giá 450.000.000đ, phần đất này ông L, bà K, anh T và chị T đã thế chấp để vay vốn tại Ngân hàng. Ông C, bà H không có yêu cầu độc lập trong vụ án, đồng ý giao đất và tài sản gắn liền trên đất để Ngân hàng yêu cầu thi hành án kê biên phát mãi trong trường hợp Ngân hàng có yêu cầu kê biên, phát mãi phần đất này để thu hồi nợ. Hội đồng xét xử xét yêu cầu của Ngân hàng đối với trường hợp ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì buộc ông Phan Văn L, bà Nguyễn Thị K, anh Phan Văn T, chị Phan Thị Thanh T, ông Phan Văn C và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 20222626580823 (A) và 20222626580823 (B) cùng ngày 22/4/2022 để Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận và phù hợp theo quy định tại các Điều 317, 318, 319, 320, 322, 323, 324 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

[2.5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Tổng cộng 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*). Nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S đã nộp tạm ứng trước nên buộc bị đơn ông L, bà K có nghĩa vụ nộp để hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S số tiền 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể:

- Buộc ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ nộp 47.029.533đ (*Bốn mươi bảy triệu không trăm hai mươi chín ngàn năm trăm ba mươi ba đồng*).

- Buộc bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ nộp 6.195.866đ (*Sáu triệu một trăm chín mươi lăm ngàn tám trăm sáu mươi sáu đồng*).

Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S không phải chịu án phí do yêu cầu được chấp nhận, nên hoàn trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 23.194.000đ (*Hai mươi ba triệu một trăm chín mươi bốn ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0011177 ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[2.7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 317, 318, 319, 320, 322, 323, 324, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/QH14;

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S.

1.1. Buộc bị đơn ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S số tiền vay còn nợ tính đến ngày 27/9/2024 tổng cộng là 1.167.651.119đ (*Một tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi một ngàn một trăm mười chín đồng*). Trong đó gồm: vốn gốc 1.000.000.000đ, lãi 167.651.119đ. Buộc ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số: 202226580823 ngày 21/4/2022, Giấy nhận nợ số: LD2311400266 ngày 24/4/2023

và Giấy nhận nợ số: LD2311500108 ngày 25/4/2023 kể từ ngày 28/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S.

Trường hợp ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì buộc ông Phan Văn L, bà Nguyễn Thị K, anh Phan Văn T, chị Phan Thị Thanh T, ông Phan Văn C và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 20222626580823 (A) và 20222626580823 (B) cùng ngày 22/4/2022 để Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng, gồm:

1/ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 201, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.025m², địa chỉ thửa đất: ấp Nhơn Ngãi, xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: BI 495030, số vào sổ cấp GCN: CH03863 do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cấp cho hộ ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K ngày 22/6/2012.

2/ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 383, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.200m²; thửa đất số 387, tờ bản đồ số 3, diện tích 3.610m²; thửa đất số 388, tờ bản đồ số 3, diện tích 3.670m²; địa chỉ thửa đất: ấp Nhơn Ngãi (ấp Tường Ngãi cũ), xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: V 506236, số vào sổ cấp GCN: 47938 do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cấp cho ông Phan Văn L ngày 02/01/2003.

3/ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 241, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.042,7m², địa chỉ thửa đất: ấp Nhơn Ngãi, xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: BI 495032, số vào sổ cấp GCN: CH03865 do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cấp cho ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K ngày 22/6/2012.

4/ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 331, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.582,1m², địa chỉ thửa đất: ấp Nhơn Ngãi, xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CK 199771, số vào sổ cấp GCN: CS07174 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp cho ông Phan Văn L ngày 10/10/2017.

1.2. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S số tiền vay còn nợ tính đến ngày 27/9/2024 tổng cộng là 123.917.321đ (*Một trăm hai mươi ba triệu chín trăm mười bảy ngàn ba trăm hai mươi một đồng*). Trong đó gồm: vốn gốc 104.957.578đ, lãi 18.959.743đ. Buộc bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số: 2707884 ngày

11/5/2023 kể từ ngày 28/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Tổng cộng 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*). Nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S đã nộp tạm ứng trước nên buộc bị đơn ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ nộp để hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S số tiền 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ nộp 47.029.533đ (*Bốn mươi bảy triệu không trăm hai mươi chín ngàn năm trăm ba mươi ba đồng*).

Buộc bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ nộp 6.195.866đ (*Sáu triệu một trăm chín mươi lăm ngàn tám trăm sáu mươi sáu đồng*).

Hoàn trả Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.194.000đ (*Hai mươi ba triệu một trăm chín mươi bốn ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0011177 ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi cục THADS huyện Trà Ôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy An

